TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/DS-ST
Ngày: 12-4-2023
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Tuấn

2. Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 307/2022/TLST-DS, ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị M, **s**inh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh K

Bị đơn: Bà Trương Thị Mỹ N, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị M trình bày: Do quen biết với bà N, nên giữa bà và bà N có thỏa thuận tham gia chơi hụi do bà làm chủ, bà N làm hụi viên, dây hụi mở ngày 09/4/2019 (al) hụi 1.000.000 đồng/

tháng, có 30 hụi viên. Bà N tham gia hai chân và đã hốt hết 02 chân từ năm 2020. Hụi đến nay đã mãn nhưng bà N không thực hiện việc góp lại tiền hụi đầy đủ, tính đến thời điểm mãn hụi bà N còn nợ bà số tiền là 37.000.000 đồng. Bà đã nhiều lần gặp bà N để trao đổi và thỏa thuận phương thức trả nợ nhưng bà N cứ hẹn mà không thực hiện. Nay xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm nên bà khởi kiện yêu cầu bà N phải trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 37.000.000 đồng, trả một lần trong thời gian sớm nhất.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 02 năm 2023, bị đơn bà Trương Thị Mỹ N trình bày: Bà thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà M làm chủ và có nợ bà M số tiền hụi là 37.000.000 đồng. Bà đồng ý trả nhưng xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi trả dứt số tiền trên. Vì hiện tại kinh tế gia đình bà rất khó khăn còn thiếu nợ rất nhiều người nên không có khả năng để chi trả số tiền trên một lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Bà Đặng Thị M khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Mỹ N giao trả số tiền nợ hụi nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà N là bị đơn trong vụ án có địa chỉ cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bà Trương Thị Mỹ N với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bà nhưng bà vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Đặng Thị M khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Mỹ N giao trả số tiền hụi còn nợ là 37.000.000 đồng, bà N thừa nhận số nợ trên và đồng ý trả cho bà M, chứng tỏ giữa bà M và bà N đã thống nhất số nợ trên nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ đó, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc bà N phải giao trả cho bà M số tiền hụi còn nợ là 37.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà N cho rằng do điều kiện kinh tế gia đình bà hiện rất khó khăn, không khả năng chi trả một lần đối với số tiền trên nên bà xin được trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng, sự thỏa thuận trả nợ trên của bà N không được sự đồng ý của bà M nên cách thức thanh toán nợ sẽ do Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Đặng Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, bà Trương Thị Mỹ N không trả đủ số tiền trên thì bà N còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền: 37.000.000 đồng x 5% = 1.850.000 đồng

Hoàn trả lại cho bà M tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 925.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003352 ngày 22/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 11, Điều 280; Điều 288, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M.

Buộc bà Trương Thị Mỹ N giao trả số tiền hụi còn nợ là 37.000.000 đồng (ba mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bà Đặng Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, bà Trương Thị Mỹ N không trả đủ số tiền trên thì bà N còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.Về án phí:

Buộc bà Trương Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 1.850.000 đồng (*Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho bà M tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 925.000 đồng (chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003352 ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày (mười lăm ngày); bà M được tính kể từ ngày tuyên án (Ngày 12-4-2023); bà N được tính từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Cẩm Hương